

Số: 18/2026/CBTT-ĐTTS

Hải Phòng, ngày 13 tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU THỦY SẢN VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại: 0979.668.870

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lương Thế Long, Tổng giám đốc

Địa chỉ: Tổ dân phố Vân Tra, phường An Hải, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0904.212.794

Loại thông tin công bố:

Định kỳ [X] 24h [] 72h [] Theo yêu cầu [] Khác []

Nội dung công bố thông tin:

Công ty CP Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Công ty) xin được công bố Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tin này cũng đã được đăng tải trên website chính thức của Công ty theo đường dẫn <http://www.dongtauthuysan.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán của Công ty

- Công văn số 17/2026/CV-ĐTTS về giải trình số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 sau kiểm toán tăng trên 10% so với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 sau kiểm toán.

**CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU
THỦY SẢN VIỆT NAM**

Người công bố thông tin



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lương Thế Long

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam (Công ty) thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 sau kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: FSO (UPCoM)
- Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng
- Điện thoại liên hệ: 0979.668.870
- Email: ketoanckts@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 13/02/2026 tại đường dẫn: <http://www.dongtauthuysan.vn/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Trân trọng./.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC sau kiểm toán của Công ty;
- Công văn số 17/2026/CV-ĐTTS về giải trình số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 sau kiểm toán tăng trên 10% so với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 sau kiểm toán.

Đại diện tổ chức
Người công bố thông tin



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lương Thế Long

Số: H/2026/CV-ĐTTS

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh Báo
cáo tài chính năm 2025

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Phan Đình Phùng, phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại: 0979.668.870

Mã chứng khoán: FSO

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam (Công ty) xin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2025, cụ thể như sau:

Tại Báo cáo tài chính năm 2025 phát hành ngày 12 tháng 02 năm 2026, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tăng trên 10% so với năm 2024, số liệu theo bảng dưới đây:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.306.498.265	8.953.881.282	41,98%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.076.241.871	2.291.980.574	10,39%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.302.560.150	3.609.959.686	177,14%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.302.560.150	3.367.831.562	158,55%

Lý do chênh lệch: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 tăng so với năm 2024: 2,65 tỷ đồng tương đương với 41,98%. Bên cạnh đó doanh thu hoạt động tài chính của Công ty năm 2025 tăng so với năm 2024 là 10,39%. Có được kết quả như vậy là do trong năm 2025 Công ty đã khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có, phát sinh thêm nguồn thu mới đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí. Doanh thu hoạt động tài chính tuy chịu tác động bởi mặt bằng lãi suất giảm nhưng vẫn đạt được mức tăng trưởng so với kế hoạch.

Trên đây là phần giải trình về lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty tăng trên 10% so với năm 2024.

Kính xin Quý Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét, chấp thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu KT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lương Thế Long





ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Ward, Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU -
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU -
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch	
Ông Lương Thế Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2025
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/04/2025

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng ban
Ông Trần Công Toại	Thành viên
Bà Lê Cao Thủy Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lương Thế Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lương Thế Long, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026



Số: 26/2026/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG TÀU – THỦY SẢN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2026 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Văn Việt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

A blue ink signature, likely belonging to Lê Văn Hoàng, the auditor.

Lê Văn Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.042.153.755	37.041.968.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.415.850.967	355.168.788
1. Tiền	111		1.415.850.967	355.168.788
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.000.000.000	34.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	38.000.000.000	34.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.200.227.886	1.955.417.710
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.295.020.791	2.380.624.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	207.926.244	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.437.795.714	1.098.432.189
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.740.514.863)	(1.523.638.549)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	219.799.519	219.799.519
1. Hàng tồn kho	141		219.799.519	219.799.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		206.275.383	11.582.743
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	206.275.383	11.582.743
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.616.289.019	20.723.737.361
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.255.777.891	1.719.216.685
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.255.777.891	1.719.216.685
Nguyên giá	222		13.694.879.147	20.461.608.184
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.439.101.256)	(18.742.391.499)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	4.10	17.457.929.028	18.181.485.889
1. Nguyên giá	231		41.408.534.246	34.606.805.209
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.950.605.218)	(16.425.319.320)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.842.539	265.842.539
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	265.842.539	265.842.539
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		636.739.561	557.192.248
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	636.739.561	557.192.248
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		61.658.442.774	57.765.706.121

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.259.706.153	1.734.801.062
I. Nợ ngắn hạn	310		1.379.156.153	1.104.751.062
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	119.130.725	119.130.725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.919.895	12.169.895
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	384.344.351	197.621.081
4. Phải trả người lao động	314	4.14	467.717.154	384.358.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	27.481.648	25.779.900
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	367.227.328	327.981.328
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.335.052	37.710.056
II. Nợ dài hạn	330		880.550.000	630.050.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	880.550.000	630.050.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		59.398.736.621	56.030.905.059
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	59.398.736.621	56.030.905.059
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(83.050.000)	(83.050.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		36.090.727	36.090.727
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.194.299.043	3.194.299.043
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.736.851	(3.366.094.711)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(3.366.094.711)	(4.668.654.861)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.367.831.562	1.302.560.150
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		61.658.442.774	57.765.706.121



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thu Hà
Kê toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	8.953.881.282	6.306.498.265
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.953.881.282	6.306.498.265
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.410.198.042	1.355.637.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.543.683.240	4.950.860.953
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.291.980.574	2.076.241.871
7. Chi phí tài chính	22	5.4	-	3.642.762
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	6.225.703.586	5.720.045.957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.609.960.228	1.303.414.105
11. Thu nhập khác	31		-	7.879
12. Chi phí khác	32		542	861.834
13. Lợi nhuận khác	40		(542)	(853.955)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.609.959.686	1.302.560.150
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	242.128.124	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.367.831.562	1.302.560.150
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	599	232
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	599	232



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.609.959.686	1.302.560.150
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.195.620.651	1.325.632.483
Các khoản dự phòng	03		216.876.314	200.000.000
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.291.980.574)	(2.075.534.181)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.730.476.077	752.658.452
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(106.748.780)	222.427.275
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		353.174.813	52.859.205
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(79.547.313)	(65.602.984)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(44.022.842)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(20.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.853.331.955	941.641.948
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	21		(242.926.244)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.000.000.000)	(34.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		34.500.000.000	31.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.950.276.468	2.542.473.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.792.649.776)	(957.526.094)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.060.682.179	(15.884.146)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		355.168.788	371.052.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		1.415.850.967	355.168.788



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Hải Phòng theo Quyết định số 613/QĐ-BTS ngày 11 tháng 06 năm 2006 của Bộ Thủy sản. Ngày 11 tháng 12 năm 2006, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200140967 ngày 11 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 02 năm 2025.

Ngày 06 tháng 02 năm 2017, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường UPCOM theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là FSO.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.249.660.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bằng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 19 (31/12/2024: 18).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa các loại phương tiện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Trông giữ ô tô.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Cơ khí đóng tàu Vật Cách	Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng.
Xưởng Giấy	Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2025

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

Năm 2025

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 40 năm

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Tàu sông: 10%;
- Dịch vụ cho thuê: 10%;
- Các dịch vụ khác: 10%. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với các hàng hóa dịch vụ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là cung cấp dịch vụ và một khu vực địa lý chính là Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	281.800.283	300.547.815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.134.050.684	54.620.973
Cộng	1.415.850.967	355.168.788

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	38.000.000.000	38.000.000.000	34.500.000.000	34.500.000.000
Cộng	38.000.000.000	38.000.000.000	34.500.000.000	34.500.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cơ khí Thắng Lợi	416.876.314	638.541.050
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	521.730.857
Công ty TNHH Vạn Lợi	254.136.972	254.136.972
Ông Trần Việt Hùng	248.689.500	248.689.500
Các khách hàng khác	853.587.148	717.525.691
Cộng	2.295.020.791	2.380.624.070

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Xây dựng và thiết bị PCCC Đức Phúc	207.926.244	-
Cộng	207.926.244	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi dự thu	1.413.727.395	-	1.072.023.289	-
Phải thu khác	24.068.319	-	26.408.900	-
Cộng	1.437.795.714	-	1.098.432.189	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.740.514.863	-	1.523.638.549	-
Cộng	1.740.514.863	-	1.523.638.549	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	-	Trên 3 năm	521.730.857	-	Trên 3 năm
Xí nghiệp Tàu hút sông 2 - Công ty Nạo vét và Xây dựng đường thủy 1	184.354.285	-	Trên 3 năm	184.354.285	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu Lực Hành	162.220.003	-	Trên 3 năm	162.220.003	-	Trên 3 năm
Ông Trần Việt Hùng	248.689.500	-	Trên 3 năm	248.689.500	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cơ khí Thăng Lợi	416.876.314	-	Trên 3 năm	200.000.000	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	206.643.904	-	Trên 3 năm	206.643.904	-	Trên 3 năm
Cộng	1.740.514.863	-		1.523.638.549	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	141.755.623	-	141.755.623	-
Công cụ, dụng cụ	12.030.538	-	12.030.538	-
Hàng hóa	66.013.358	-	66.013.358	-
Cộng	219.799.519	-	219.799.519	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	351.553.488	375.541.740
Chi phí sửa chữa	186.811.150	110.151.871
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	98.374.923	71.498.637
Cộng	636.739.561	557.192.248

(*) Chi phí san lấp mặt bằng để sử dụng thửa đất thuê tại Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An (thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đến 28/8/2040).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P/tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	12.684.323.628	4.335.009.824	3.092.896.797	349.377.935	20.461.608.184
Mua trong năm	-	-	-	35.000.000	35.000.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.801.729.037)	-	-	-	(6.801.729.037)
Tại ngày 31/12/2025	5.882.594.591	4.335.009.824	3.092.896.797	384.377.935	13.694.879.147
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	11.384.829.104	3.915.287.663	3.092.896.797	349.377.935	18.742.391.499
Khấu hao trong năm	173.629.104	150.479.745	-	7.056.450	331.165.299
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.634.455.542)	-	-	-	(6.634.455.542)
Tại ngày 31/12/2025	4.924.002.666	4.065.767.408	3.092.896.797	356.434.385	12.439.101.256
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	1.299.494.524	419.722.161	-	-	1.719.216.685
Tại ngày 31/12/2025	958.591.925	269.242.416	-	27.943.550	1.255.777.891

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.870.725.512 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	4.652.027.236	-	-	4.652.027.236
Cơ sở hạ tầng	36.756.507.010	6.801.729.037	-	29.954.777.973
Cộng	41.408.534.246	6.801.729.037	-	34.606.805.209
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	3.853.973.580	124.836.288	-	3.729.137.292
Cơ sở hạ tầng	20.096.631.638	7.400.449.610	-	12.696.182.028
Cộng	23.950.605.218	7.525.285.898	-	16.425.319.320
Giá trị còn lại:				
Nhà	798.053.656			922.889.944
Cơ sở hạ tầng	16.659.875.372			17.258.595.945
Cộng	17.457.929.028			18.181.485.889

Không có bất động sản đầu tư được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 6.790.286.571 VND.

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê gồm:

- Nhà điều hành sản xuất, nhà kho, nhà tiện nghi cơ khí, ki ốt cho thuê, bãi đỗ xe ô tô khu vực Hạ Lý tại địa chỉ số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng;
- Nhà xưởng sản xuất khu cầu cảng, nhà kho, nhà vỏ tàu xí nghiệp cơ khí, sân bê tông, triển kéo tàu 6.500 tấn khu vực Vật Cách tại địa chỉ Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Hệ xe triển 6.500 tấn Vật Cách	265.842.539	265.842.539
Cộng	265.842.539	265.842.539

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Đại học Dân lập Hải Phòng	69.090.909	69.090.909	69.090.909	69.090.909
Công ty TNHH Total Lubricant Việt Nam	41.299.097	41.299.097	41.299.097	41.299.097
Nhà cung cấp khác	8.740.719	8.740.719	8.740.719	8.740.719
Cộng	119.130.725	119.130.725	119.130.725	119.130.725

4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	179.806.955	850.549.152	797.990.583	-	127.248.386
Thuế TNDN	11.452.550	198.105.282	242.128.124	44.022.842	11.452.550	-
Thuế TNCN	-	6.432.114	21.253.197	23.593.778	-	8.772.695
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	194.692.640	-	446.237.685	702.530.325	-	61.600.000
Các loại thuế khác	130.193	-	4.000.000	4.000.000	130.193	-
Cộng	206.275.383	384.344.351	1.564.168.158	1.572.137.528	11.582.743	197.621.081

4.14. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Lương	467.717.154	384.358.077
Cộng	467.717.154	384.358.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí ăn ca	16.470.000	15.120.000
Trích trước tiền điện	11.011.648	10.659.900
Cộng	27.481.648	25.779.900

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Kính phí công đoàn	42.579.992	3.333.992
Công ty TNHH Vạn Lợi (tiền nước phải trả)	289.021.634	289.021.634
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.314.030	6.314.030
Các khoản phải trả khác	29.311.672	29.311.672
Cộng	367.227.328	327.981.328
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	880.550.000	630.050.000
Cộng	880.550.000	630.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(4.668.654.861)	54.728.344.909
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.302.560.150	1.302.560.150
Tại ngày 01/01/2025	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(3.366.094.711)	56.030.905.059
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.367.831.562	3.367.831.562
Tại ngày 31/12/2025	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	1.736.851	59.398.736.621

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	35.082.000.000	35.082.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	21.167.660.000	21.167.660.000
Cộng	56.249.660.000	56.249.660.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	56.249.660.000	56.249.660.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	56.249.660.000	56.249.660.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu phổ thông	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu phổ thông	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.367.831.562	1.302.560.150
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.367.831.562	1.302.560.150
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.624.966	5.624.966
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	599	232

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.367.831.562	1.302.560.150
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.367.831.562	1.302.560.150
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.624.966	5.624.966
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	599	232

Năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty.

4.17.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	3.194.299.043
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	3.194.299.043

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.953.881.282	6.306.498.265
Cộng	8.953.881.282	6.306.498.265

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.410.198.042	1.355.637.312
Cộng	1.410.198.042	1.355.637.312

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	2.291.980.574	2.075.534.181
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	707.690
Cộng	2.291.980.574	2.076.241.871

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	3.642.762
Cộng	-	3.642.762

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.673.146.930	3.111.666.804
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	251.379.966	177.872.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.273.246	170.736.576
Thuế, phí và lệ phí	450.237.685	591.140.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.548.288.523	1.451.827.485
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	216.876.314	200.000.000
Chi phí khác bằng tiền	40.500.922	16.802.000
Cộng	6.225.703.586	5.720.045.957

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	391.142.351	354.626.020
Chi phí nhân công	3.673.146.930	3.111.666.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.195.620.651	1.325.632.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.644.388.523	1.451.827.485
Chi phí khác bằng tiền	514.726.859	631.930.477
Cộng	7.419.025.314	6.875.683.269

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.609.959.686	1.302.560.150
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	37.000.000	45.561.834
- Chi phí không hợp lý	1.000.000	9.561.834
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	36.000.000	36.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(2.436.319.067)	(1.348.121.984)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.210.640.619	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	242.128.124	-

6. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Lương Thế Long	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 11/04/2025)	8.500.000	-
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 11/04/2025)	9.500.000	18.000.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng BKS	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Công Toại	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lương Thế Long	Tổng Giám đốc	299.949.346	269.463.533
Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	247.088.001	212.730.052

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG****Công ty là bên cho thuê**

Công ty cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki ốt (bao gồm cả dịch vụ điện, nước, gửi xe, máy gấp rơm) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 1 năm đến 3 năm, với số tiền cho mỗi kỳ:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	8.953.881.282	6.306.498.265
Cộng	8.953.881.282	6.306.498.265

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất số 29/HĐ-TĐ ngày 25/04/2012 (Diện tích: 354,7 m²; địa chỉ tại số 2 phố Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 106/HĐ-TĐ ngày 30/07/2013 (Diện tích: 2.594 m²; địa chỉ tại số 2 phố Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ ngày 07/07/2015 (Diện tích: 1.906,7 m²; địa chỉ tại Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 5/10/1993 đến ngày 15/10/2043) và Hợp đồng thuê đất số 113/HĐ-TĐ ngày 30/11/2009 (Diện tích: 78.428 m²; địa chỉ tại Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 28/08/2000 đến 28/08/2040), với số tiền thuê mỗi kỳ:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	420.478.685	561.381.225
Cộng	420.478.685	561.381.225

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập